|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH THÁI NGUYÊN**  Số: /2025/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT  
Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên**

DỰ THẢO

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ ……**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ …… thông qua ngày ….. tháng … năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ….. tháng ….. năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo); - Chính phủ (Báo cáo); - Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo);  - Bộ Tài chính (Báo cáo); - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra); - Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo); - Thường trực HĐND tỉnh; - Ủy ban nhân dân tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Ủy ban MTTQ tỉnh; - Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV; - Tòa án nhân dân tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; - Kiểm toán nhà nước Khu vực X; - Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố; - Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh; - Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH**  **Phạm Hoàng Sơn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH THÁI NGUYÊN**  Số: /2025/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025* |

**QUY ĐỊNH  
Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguồn kinh phí**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước tại quy định này là mức trần tối đa. Căn cứ vào quy mô, nội dung, tính chất của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ để áp dụng định mức chi phù hợp.

2. Các nội dung chi không quy định tại quy định này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

3. Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tiêu chí xác định chuyên gia trong nước và ngoài nước, chuyên gia tư vấn độc lập và tổ chức tư vấn độc lập phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

**Chương II.**

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ**

**CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 3 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 4. Khung định mức làm căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm chức danh, căn cứ theo tính chất và mức độ đóng góp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền thù lao chi tiết theo các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, số tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày);

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số [02/2015/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-02-2015-tt-bldtbxh-muc-luong-chuyen-gia-tu-van-trong-nuoc-lam-co-so-du-toan-goi-thau-263068.aspx) ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu…; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số [65/2021/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-65-2021-tt-btc-quan-ly-su-dung-va-quyet-toan-kinh-phi-bao-duong-sua-chua-tai-san-cong-483326.aspx) ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu, được thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật. Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

**Bảng 01: Định mức dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học.**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Định mức**  **chi tối đa** |
| 1 | Người chủ trì | buổi hội thảo | 1.100 |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | buổi | 400 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | báo cáo | 600 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học | báo cáo | 400 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | thành viên/buổi | 200 |

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ và dự kiến khối lượng công việc. Việc lập dự toán và thanh toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số [109/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-109-2016-tt-btc-lap-du-toan-su-dung-quyet-toan-kinh-phi-thuc-hien-dieu-tra-thong-ke-316840.aspx) ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số [37/2022/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-37-2022-tt-btc-sua-doi-thong-tu-109-2016-tt-btc-kinh-phi-dieu-tra-thong-ke-518580.aspx) ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số [109/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-109-2016-tt-btc-lap-du-toan-su-dung-quyet-toan-kinh-phi-thuc-hien-dieu-tra-thong-ke-316840.aspx) ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính.

7. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được lập dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 250 triệu đồng/nhiệm vụ.

9. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

**Điều 5. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao.

Định mức chi tiền thù lao tham gia các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ được tính theo Bảng 02

**Bảng 02: Định mức chi tiền thù lao tham gia các Hội đồng tư vấn   
khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Khung định mức chi tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.100 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 800 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 400 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 600 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 600 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 400 |
| **2** | **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng |  |
|  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.200 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |  | 1.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 500 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700 |
| **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |  |
|  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.200 |
|  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.000 |
|  | Thư ký khoa học |  | 300 |
|  | Thư ký hành chính |  | 300 |
|  | Đại biểu được mời tham dự |  | 200 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 500 |
|  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 700 |
| **4** | **Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.** | Chuyên gia | 1.000 |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí (thẩm định dự toán, quyết toán kinh phí) thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao: Định mức chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí   
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo Bảng 03

**Bảng 03: Định mức chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí   
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Khung định mức chi tối đa** |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 800 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 600 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200 |

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định của Pháp luật hiện hành;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (điện, nước, xăng xe…) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện công khai minh bạch theo quy định./.